

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUYỀN QUANG
TỈNH TUYỀN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **283/2018/HNGĐ-ST**

Ngày 11/10/2018

V/v “*Tranh chấp về quan hệ hôn nhân*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYỀN QUANG, TỈNH TUYỀN QUANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lý Thuý Hà và bà Lê Thị Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuyền Quang, tỉnh Tuyền Quang.

- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyền Quang tham gia phiên tòa: Ông Vũ Khánh Đại - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 10 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuyền Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 31/2018/HNGĐ-ST, ngày 07/02/2018 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 21/9/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Tất Ch, sinh năm 1977

Địa chỉ: Số nhà 25 đường Hà Huy Tập, tổ 19, phường Th, thành phố T, tỉnh Q.

- Bị đơn: Chị Trịnh Thị Th, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Số nhà 25 đường Hà Huy Tập, tổ 19, phường Th, thành phố T, tỉnh Q.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng chính sách xã hội - Chi nhánh tỉnh Tuyền Quang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lại Hợp C - Chức vụ phó Giám đốc.

Người được uỷ quyền: Ông Trương Việt H, phó phòng kế hoạch nghiệp vụ tín dụng chi nhánh ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Tuyền Quang.

Anh Nguyễn Tất Ch, chị Trịnh Thị Th ông Trương Việt H có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn anh Nguyễn Tất Ch trình bày: Anh và cô Trịnh Thị Th xây dựng gia đình với nhau tên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có trải qua thời gian tìm hiểu nhau đến ngày 07/12/2000 thì đăng ký kết hôn tại UBND xã H Th, thành phố T, tỉnh Q (nay là UBND Phường H Th) và có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, Sau khi kết hôn, vợ chồng làm ăn sinh sống tại tổ 19, phường Th, thành phố T, tỉnh Q. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến khoảng giữa năm 2014 thì anh phát hiện ra chị Th làm ăn khuất tất nhiều lần chị Th vay tiền ngoài xã hội để làm gì anh không biết. Anh yêu cầu chị TH giải trình về việc đi vay tiền nhưng chị Th không giải trình được, không những thế chị Th còn xúc phạm anh và gia đình. Trong quá trình xảy ra mâu thuẫn bố mẹ anh đứng ra chi trả cho chị Th một số tiền nợ, nhưng chị Th vẫn không thay đổi vẫn tiếp tục vay tiền ở nhiều nơi. Anh và chị không thể trò chuyện cùng nhau được bất kỳ việc gì và đã sống ly thân từ giữa năm 2015 cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai. Vợ chồng ly thân kéo dài, không thể tiếp tục yêu thương vun đắp gia đình. Anh xác định tình cảm vợ chồng đã hết, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Th theo quy định của pháp luật.

Về con chung anh Nguyễn Tất Ch trình bày: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Thuý Q, sinh ngày 29/11/2001 và cháu Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 24/10/2011. Ly hôn anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung, anh không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản chung anh Nguyễn Tất Ch trình bày: Trong thời gian chung sống vợ chồng không có tài sản chung nhà và đất chỉ có tài sản chung là 01 xe máy nên anh chị tự thoả thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ vay nợ anh Nguyễn Tất Ch trình bày: Về khoản vay Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh tỉnh Tuyên Quang do chị Thơm đứng ra vay, anh đề nghị chị Th phải trả cho Ngân hàng.

- Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, bị đơn chị Trịnh Thị Th trình bày: Về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn là đúng. Còn về mâu thuẫn của vợ chồng như anh Ch trình bày là không đúng. Chị không rõ nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do đâu. Thời gian gần đây chị có theo vào làm ăn nhưng không may xảy ra nhiều vấn đề nhưng chị đã tự giải quyết bằng mọi cách. Bố mẹ chồng có giúp đỡ chị trả một khoản nợ còn về bản thân anh Ch thì không có gì cả. Chị vẫn vừa đi làm vừa trả nợ và cùng ông bà nội lo cho hai con, chị không cần sự hỗ trợ gì từ anh Ch. Anh chị sống ly thân từ tháng 12 năm 2017 cho đến nay không ai nói chuyện với ai, khi anh Ch ốm chị có hỏi thăm thông qua con cái hoặc bố mẹ chồng. Về phần mình chị vẫn còn tình cảm với anh Ch nên chị không đồng ý ly hôn.

- Về con chung chị Trịnh Thị Th trình bày. Trong thời gian chung sống vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Thuý Q, sinh ngày 29/11/2001 và cháu Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 24/10/2011. Ly hôn chị nhất trí giao 02 con chung cho anh Ch được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Ch.

- Về tài sản chung chị Trịnh Thị Th trình bày: Trong thời gian chung sống vợ chồng không có tài sản chung nhà và đất chỉ có tài sản chung là 01 xe máy nên tự thoả thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ vay nợ chị Trịnh Thị Th trình bày: Chị có vay số tiền 20.000.000đ của Ngân hàng chính sách xã hội - Chi nhánh tỉnh Q. Chị nhất trí sẽ trả cho Ngân hàng đầy đủ.

* Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Tất Ch vẫn giữ nguyên các ý kiến đã trình bày đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Trịnh Thị Th, anh và chị Th đã mâu thuẫn từ năm 2014 cho đến nay, đã 03 lần anh làm đơn xin ly hôn cũng để giáo dục chị Th, nhưng chị Th không thay đổi vợ chồng bất đồng quan điểm trong làm ăn kinh tế, chị Th làm việc gì cũng không bàn bạc với anh, anh không còn tin tưởng chị Th vì chị sống không thật. Anh và gia đình đã cho chị Th cơ hội, cùng chị Th khắc phục trả nợ nhưng chị Th không thay đổi. Anh không còn tình cảm gì với chị Th. Đề nghị Toà án xử cho anh được ly hôn với chị Th.

Về con chung: Anh đề nghị được nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu chị Thơm phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Về tài sản chung anh và chị Th tự nguyện thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết. Về vay nợ chung anh nhất trí để chị Th trả nợ cho Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh tỉnh Q.

Chị Trịnh Thị Th giữ nguyên ý kiến của mình, chị không đồng ý ly hôn với anh Ch. Về mâu thuẫn vợ chồng chị thừa nhận là do bất đồng quan điểm trong làm ăn kinh tế, chị làm gì không trao đổi bàn bạc với anh Ch mâu thuẫn từ năm 2012 đến năm 2014 thì bùng phát việc làm ăn của chị bị vỡ nợ. Gia đình chồng có hỗ trợ một phần để chị trả nợ, vợ chồng về mặt tình cảm dần nứt nhưng vẫn duy trì cuộc sống vợ chồng bình thường. Tiền học của hai con thì do anh Ch lo liệu, tiền ăn uống hàng ngày do ông bà nội lo, chị có phụ thêm vào. Đến năm 2017 chị phát hiện anh Ch có đi nhà nghỉ với một người phụ nữ khác, chị cũng không biết là ai. Cũng từ tháng 12/2017 cho đến nay vợ chồng sống ly thân. Trong thời gian sống ly thân không ai nói chuyện với ai, khi anh Ch ốm đau chị vẫn hỏi thăm thông qua con cái hoặc bố mẹ chồng. Về tài sản chung chị Th xác định: Trong thời gian chung sống vợ chồng tôi không có tài sản chung nhà và đất chỉ có tài sản chung là 01 xe máy nên chúng tôi tự thoả thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung. Chị Th xác nhận có vay ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh tỉnh Q số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) chị đã trả được 5.000.000đ (năm triệu đồng). Hiện nay chị còn nợ lại số tiền 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) vẫn trong gia hạn của ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh tỉnh Q. Chị nhất trí trả ngân hàng toàn bộ số tiền 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) và tiền lãi phát sinh theo hồ sơ vay vốn.

* Anh Trương Việt H trình bày: Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh tỉnh Tuyên Quang thực hiện cho vay thông qua hộ gia đình. Hộ gia đình tham gia tổ tiết kiệm và vay vốn. khi vay vốn được sự bình xét của các thành viên trong tổ nhóm, có xác nhận của tổ trưởng tổ vay vốn, tổ trưởng tổ dân phố, tổ chức hội nhận uỷ thác và được sự phê duyệt của UBND phường Ph Th. Căn cứ hồ sơ gửi lên Ngân hàng chính sách xã hội chi

nhánh tỉnh Q đã tiến hành cho hộ chị Trịnh Thị Th đứng tên đại diện vay vốn theo quy định. Đến thời điểm Toà án xét xử Chị Trịnh Thị Th đã trả được số tiền gốc là 5.000.000đ dư nợ còn 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng). Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh tỉnh Q nhất trí chị Trịnh Thị Th trả nợ số tiền còn lại là 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) và tiền lãi phát sinh theo hồ sơ vay vốn của Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh tỉnh Q.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký Toà án từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, của Hội đồng xét xử từ khi mở phiên toà đến khi kết thúc đều thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận theo đơn xin ly hôn của anh Ch xử cho anh Ch được ly hôn với chị Th, Công nhận sự thoả thuận giữa về con chung, về vay nợ chung như sau: Giao 02 con chung là Nguyễn Thị Thuý Q, sinh ngày 29/11/2001 và cháu Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 24/10/2011 cho anh Ch được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục chị Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Ch. Chị Th có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về tài sản không có, không yêu cầu Toà án giải quyết đề nghị HĐXX không xem xét. Về vay nợ chung: Buộc chị Trịnh Thị T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội Chi nhánh tỉnh Q số tiền 15.000.000đ và tiền lãi phát sinh theo hồ sơ vay vốn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Nguyễn Tất Ch yêu cầu Toà án giải quyết được ly hôn với chị Trịnh Thị Th và giải quyết việc nuôi con chung. Đây là tranh chấp hôn nhân gia đình về “Ly hôn ” thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Tuyên Quang theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

* Quan hệ hôn nhân: Anh Ch và chị Trịnh Thị Th xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có trải qua thời gian tìm hiểu nhau đến ngày 07/12/2000 thì đăng ký kết hôn tại UBND xã H Th, thành phố T, tỉnh Q (nay là UBND Phường H Th) và có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, như vậy quan hệ hôn nhân của anh chị là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh Ch và chị Th đều cho rằng anh chị sống với nhau thời gian đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong làm ăn kinh tế, anh Ch luôn dằn dò chị Th làm gì cũng phải cẩn thận không được vay mượn để làm liều. Chị Th không nghe lời làm ăn tin tưởng bạn bè dẫn đến nợ nần nhiều anh Ch và gia đình không biết. Chị Th khuất tất trong làm ăn nhiều lần vay tiền ngoài xã hội. Anh Ch yêu cầu chị Th giải trình về việc đi vay tiền nhưng chị Th không giải trình được, không những thế chị Th còn xúc phạm anh và gia đình

chồng. Trong quá trình xảy ra mâu thuẫn bố mẹ anh đứng ra chi trả cho chị Th một số tiền nợ, nhưng chị Th vẫn không thay đổi vẫn tiếp tục vay tiền ở nhiều nơi. Anh Ch, chị Th không thể trò chuyện cùng nhau được bất kỳ việc gì và đã sống ly thân từ cuối năm 2017 cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai. Vợ chồng ly thân kéo dài, không thể tiếp tục yêu thương vun đắp gia đình. Anh Ch xác định tình cảm vợ chồng đã hết, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh yêu cầu Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Th. Chị Th xác định vợ chồng đã sống ly thân, mâu thuẫn từ lâu nhưng chị vẫn còn tình cảm vợ chồng chị không đồng ý ly hôn.

Xét thấy anh Chinh cương quyết ly hôn. Về quan hệ hôn nhân của anh Ch và chị Th mâu thuẫn đã nhiều năm từ năm 2014 do việc chị Th nợ nần bên ngoài nhiều. Anh Ch đã 03 (ba) lần làm đơn xin ly hôn cũng để giáo dục chị Th. Anh Ch và bố mẹ anh Ch đã giúp đỡ ăn uống sinh hoạt, đóng học phí cho 02 con chung của anh chị và cho chị Thơm cơ hội để làm ăn trả nợ. Nhưng chị Thơm không thay đổi dẫn đến anh Ch và gia đình mất hết niềm tin vợ chồng ngày càng xa cách, vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2017 cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân không ai nói chuyện với ai kể cả khi anh Ch ốm chị Th chỉ hỏi thăm thông qua con cái và bố mẹ chồng. Qua xác minh tại tổ 19, phường Th, thành phố T, tỉnh Q thể hiện anh Ch hay đi làm ăn xa ít có mặt ở nhà. Anh chị sống kín tiếng về mặt tình cảm. Tổ không thấy anh chị to tiếng đánh cãi chửi nhau. Về vay nợ chung thì tổ được biết chị Th vay vốn của Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh tỉnh Q thông qua tổ vay vốn phụ nữ tổ 19, phường Th, thành phố T, tỉnh Q số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng). Điều này chứng tỏ tình trạng quan hệ hôn nhân giữa anh Ch và chị Th đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét yêu cầu ly hôn của anh Ch là có căn cứ, vì vậy xử cho anh Nguyễn Tất Ch được ly hôn với chị Trịnh Thị Th là phù hợp quy định tại điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

* Về con chung: Anh Ch và chị Th có 02 con chung là Nguyễn Thị Thuý Q, sinh ngày 29/11/2001 và cháu Nguyễn Tiến Đạt, sinh ngày 24/10/2011. Anh chị tự thoả thuận anh Ch được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung. Chị Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Ch, HĐXX cần chấp nhận sự thoả thuận của các đương sự.

Về tài sản chung: Anh Ch và chị Th không yêu cầu Toà án giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

Về vay nợ: Anh Ch và chị Th và Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh tỉnh Q thống nhất thoả thuận. Chị Trịnh Thị Th có nghĩa vụ trả số tiền còn nợ là 15.000.000đ và tiền lãi phát sinh theo hồ sơ vay vốn cho Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh tỉnh Q. HĐXX cần chấp nhận sự thoả thuận của các đương sự.

[3] Về án phí: Anh Nguyễn Tất Ch phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm; Chị Trịnh Thị Th phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 750.000đ. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 28; Điều 39; 147; 220; 266 Bộ luật tố tụng dân sự

Điều 51; 55; 56; 81; 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Nguyễn Tất Ch.

1. Xử cho anh Nguyễn Tất Ch được ly hôn với chị Trịnh Thị Th

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao 02 (hai) con chung là cháu Nguyễn Thị Thuý Q, sinh ngày 29/11/2001 và cháu Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 24/10/2011 cho anh Nguyễn Tất Ch được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Ch. Chị Th có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về vay nợ chung: Buộc chị Trịnh Thị Th có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội Chi nhánh tỉnh Q số tiền dư nợ gốc là 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) theo hồ sơ vay vốn của Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh tỉnh Q

“ Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hồ sơ vay vốn cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này”

3. Án phí: Anh Nguyễn Tất Ch phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0005081 ngày 07 tháng 02 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tiên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Anh Ch đã nộp đủ án phí. Chị Trịnh Thị Th phải nộp 750.000đ (bảy trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

" Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP. Tuyên Quang(02 bản);
- Chi cục THADS TP. Tuyên Quang;

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- UBND phường H Th;
- Các đ- ơng sự;
- L- u hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Ngọc Lan

